**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN MT**
**TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 74/2018/ HNGĐ-ST.
Ngày: 14/9/2018 .
" *V/v Xin ly hôn, nuôi con*".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MT**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Huỳnh Thị Linh.**

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1/ Ông **Dương Sinh Huy**

2/ Ông **Nguyễn Thành Long**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Thanh Thủy** – Là Thư Ký Tòa án nhân dân huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MT không tham gia phiên tòa.*

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở TAND huyện MT xét xử công khai vụ án thụ lý số: 156/2018/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2018,về tranh chấp: Xin ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Chị **Võ Thị T**, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ HKTT: ấp BH 2, xã HT, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

Chổ ở hiện nay: ấp AP A, xã LA, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

*2. Bị đơn*: Anh **Lê Quốc M**, sinh năm 1983 ( vắng mặt)

Địa chỉ: ấp BH 2, xã HT, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

*Theo đơn khởi kiện ngày 23/5/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Thị T trình bày:*

1/Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh M do quen biết, tìm hiểu được gia đình hai bên chấp thuận đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2007 và được Uỷ ban nhân dân xã HT, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long, cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 16/6/2008.

Sau ngày cưới chị T và anh M chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị T cho rằng do anh M sống không có trách nhiệm, không lo làm ăn để phụ kinh tế cho gia đình mà chỉ thường xuyên tham gia đánh bạc, uống rượu về kiếm chuyện cự cải vợ con. Chị T đã nhiều lần khuyên can nhưng anh M vẫn không sửa đổi. Gia đình cha, mẹ hai bên đã hòa giải nhiều lần cho chị T và anh M đoàn tụ cùng chăm lo cho các con nhưng chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh M nên không thể đoàn tụ. Từ đó mâu thuẫn giữa chị T và anh M ngày càng trầm trọng, không khắc phục được nên chị T bỏ về nhà cha, mẹ ruột tại ấp AP A, xã LA, huyện LH sinh sống từ đầu năm 2018 cho đến nay mỗi người có cuộc sống riêng, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa.

Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Quốc M.

2/Về con chung: Giữa chị T và anh M chung sống có 02 con chung tên Lê Minh Q, sinh ngày 21/02/2009 và Lê Thúy N, sinh ngày 27/02/2015. Hiện cháu Minh Q do anh M nuôi dưỡng, cháu Thúy N do chị T nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Minh Q và Thúy N, chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

*Con chung trên 07 tuổi của nguyên đơn và bị đơn, cháu Lê Minh Q trình bày:* Minh Q là con ruột của anh Lê Quốc M và chị Võ Thị T. Sau khi chị T và anh M ly hôn nguyện vọng Minh Q xin được sống với chị Võ Thị T.

3/Về tài sản sản chung, nợ chung: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo cho anh Lê Quốc M biết việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu của chị T, nhưng anh M không có văn bản trả lời, không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, các phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

*Tại phiên toà hôm nay chị T trình bày:* Yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh M, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Minh Q và Thúy N, chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Quốc M đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ theo quy định tại Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án quyết định xét xử vắng mặt anh M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị T và anh Lê Quốc M sống chung với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 09 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh M là hợp pháp. Trong quá trình chung sống đã có phát sinh mâu thuẫn không thể khắc phục được nên sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Chị T xác định do anh M sống không có trách nhiệm, không lo làm ăn để phụ kinh tế cho gia đình mà thường xuyên tham gia đánh bạc, uống rượu về kiếm chuyện cự cải vợ con. Từ đó chị T không còn tình cảm vợ chồng, không có khả năng đoàn tụ đã chứng minh tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh M có mâu thuẫn trầm trọng nên chị T xin ly hôn với anh M. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp tống đạt trực tiếp thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và giấy triệu tập tham dự phiên tòa cho anh M nhưng anh M không đến tham dự các phiên hòa giải, các phiên họp công khai chứng cứ, các phiên tòa mà không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của anh M đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T *" Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91, Khoản 2 Điều 92 Bộ luận tố tụng dân sự 2015"* . Do đó, có căn cứ xét thấy trong cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh M đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không khắc phục được, do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh M.

[3] Về con chung: Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Lê Minh Q, sinh ngày 21/02/2009 và Lê Thúy N, sinh ngày 27/02/2015. Xét thấy, anh M đã được Tòa thông báo về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của chị T nhưng anh M không có ý kiến phản đối. Mặc khác, cháu Minh Q có nguyện vọng sau khi chị T và anh M ly hôn xin được sống với chị T. Đối với cháu Thúy N từ lúc sinh ra cho đến nay do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời cháu Thúy N còn quá nhỏ cần có sự chăm sóc, giáo dục của mẹ ( chị T). Do đó, cần xem xét giao hai cháu Thúy N và Minh Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của cháu Minh Q.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị T không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 227; 238; 266; 267 của Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 09, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Võ Thị T:

1/ Về quan hệ hôn nhân: chị Võ Thị T được ly hôn với anh Lê Quốc M.

2/ Về con chung: giao 02 con chung tên Lê Minh Q, sinh ngày 21/02/2009 và Lê Thúy N, sinh ngày 27/02/2015 cho chị Võ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Quốc M có quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

4/ Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5/ Án phí: Chị Võ Thị T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MT, theo biên lai thu số 0006484 ngày 23/5/2018, chị T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị T biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15( Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND nơi anh M cư trú./.

*Nơi nhận:*
-VKSND huyện MT;
-TAND tỉnh Vĩnh Long;
-THADS huyện MT;
-UBND xã HT;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

**Huỳnh Thị Linh**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN MT**
**TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Ngày 14 tháng 9 năm 2018

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện MT, tỉnh Vĩnh Long

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Linh

Các Hội thẩm nhân dân :

1.Ông Dương Sinh Huy

2.Ông Nguyễn Thành Long

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 224/2018/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 8 năm 2018 về **Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con** giữa:

*1.Nguyên đơn*: Chị **Võ Thị T**, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ HKTT: ấp BH 2, xã HT, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Chổ ở hiện nay: ấp An Phú A, xã Long An, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

*2. Bị đơn*: Anh **Lê Quốc M**, sinh năm 1983 ( vắng mặt)

Địa chỉ: ấp BH 2, xã HT, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

## HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU[(9)]

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 227; 238; 266; 267 của Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 09, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghi quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị T:

1/ Về quan hệ hôn nhân: chị Võ Thị T được ly hôn với anh Lê Quốc M.

2/ Về con chung: giao 02 con chung tên Lê Minh Q, sinh ngày 21/02/2009 và Lê Thúy N, sinh ngày 27/02/2015 cho chị Võ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Quốc M có quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Án phí: Chị Võ Thị T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MT, theo biên lai thu số 0006484 ngày 23/5/2018, chị T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị T biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15( Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND nơi anh M cư trú./.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Sinh Huy Nguyễn Thành Long** **Huỳnh Thị Linh**